

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

1.1. Phạm vi công việc của gói thầu

- Công trình: Đường GTNT từ Quốc lộ 6 (tại Km105+500) đi khu dân cư số 4 xóm Tân Thành, xã Toàn Thắng, tỉnh Phú Thọ;
- Gói thầu: Xây lắp công trình;
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;
- Nguồn vốn: Đầu tư công ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Giá gói thầu đã bao gồm thuế VAT;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 460 ngày;
- Địa điểm: xã Toàn Thắng, Tỉnh Phú Thọ.

1.2. Quy mô dự án và giải pháp thiết kế:

1.2.1. Quy mô xây dựng:

Dự án Đường GTNT từ Quốc lộ 6 (tại Km105+500) đi khu dân cư số 4 xóm Tân Thành, xã Toàn thắng, tỉnh Phú Thọ có tổng chiều dài khoảng 1,4Km, gồm 02 tuyến cụ thể như sau:

Tuyến T1: Chiều dài khoảng 0,93Km; Điểm đầu tuyến (Km0+00) giao với tuyến đường nhựa QL6 tại Km105+500 thuộc Xóm Tân Thành, điểm cuối tuyến (Km0+930) giao với tuyến T2 tại Km0+258 tại khu nhà ông Hải thuộc Xóm Tân Thành, xã Toàn Thắng.

Tuyến T2: Chiều dài khoảng 0,47Km; Điểm đầu tuyến (Km0+00) tại khu nhà bà Ngâm đầu với đường bê tông xi măng từ xóm Mạn đi chợ Lò, điểm cuối tuyến (Km0+470) tại khu nhà ông Thái thuộc Xóm Tân Thành.

- Cải tạo, nâng cấp toàn tuyến lên đường giao thông nông thôn cấp B, theo tiêu chuẩn TCVN10380:2014 (Đường giao thông nông thôn - yêu cầu thiết kế), cụ thể:

- + Bề rộng nền đường (chưa kẻ rãnh): $B_{nền} = 5,0m$
- + Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 3,5m$

+ Bề rộng lề gia cố (2 bên): $B_{lgc} = 2 \times 0,75m$. (gia cố lề $2 \times 0,75$ như kết cấu mặt đường tại một số đoạn phù hợp với yêu cầu thực tế).

+ Độ dốc dọc nền đường tối đa : $I_{max}=13\%$.

+ Bán kính cong nằm: $R_{min}=15m$

+ Vận tốc thiết kế : $V_{tk}=15km/h$

+ Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng

+ Công trình thoát nước: Thiết kế kết cấu bằng BTXM và đá xây, tải trọng thiết kế HL93x65%; Tần suất thiết kế $P=10\%$.

+ Hệ thống báo hiệu đường bộ thiết kế tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

1.2.2. Giải pháp thiết kế:

Xây dựng tuyến đường theo Tiêu chuẩn 10380:2014 đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế và QĐ 932/QĐ BGTVT ngày 17/08/2022 của Bộ trưởng BGTVT về việc Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025. Thiết kế với quy mô đường cấp B, các chỉ tiêu kỹ thuật như sau:

1.2.2.1. Bình đồ:

+ Tổng chiều dài $L=1.398,22m$ bao gồm hai tuyến:

+ Tuyến T1: Chiều dài 924,58m; Điểm đầu tuyến (Km0+00) giao với tuyến đường nhựa QL6 tại Km105+500 thuộc Xóm Tân Thành, điểm cuối tuyến (Km0+924.58) giao với tuyến T2 tại Km0+232.14 tại khu nhà ông Hải thuộc Xóm Tân Thành, xã Toàn Thắng.

+ Tuyến T2: Chiều dài 473,64m; Điểm đầu tuyến (Km0+00) tại khu nhà bà Ngâm đầu với đường bê tông xi măng từ xóm Mận đi chợ Lò, điểm cuối tuyến (Km0+473.64) tại khu nhà ông Thái thuộc Xóm Tân Thành

- Bán kính đường cong nằm tối thiểu: $R_{min}=15m$.

Bảng tổng hợp kết quả thiết kế bình đồ tuyến T1:

STT	R (m)	Số lượng (cái)	Tỷ lệ (%)
1	$R \leq 30.00$	2	11.76%
2	$30.00 < R \leq 60.00$	0	0.00%
3	$60.00 < R \leq 100.00$	4	23.53%
4	$100.00 < R \leq 200.00$	5	29.41%
5	$200.00 < R \leq 350.00$	1	5.88%

6	R > 350.00	1	5.88%
7	Không cấm cong	4	23.53%
	Tổng số	17	100%

Bảng tổng hợp kết quả thiết kế bình đồ tuyến T2:

STT	R (m)	Số lượng (cái)	Tỷ lệ (%)
1	R ≤ 30.00	0	0.00%
2	30.00 < R ≤ 60.00	3	37.50%
3	60.00 < R ≤ 100.00	4	50.00%
4	100.00 < R ≤ 200.00	0	0.00%
5	200.00 < R ≤ 400.00	0	0.00%
6	R > 400.00	0	0.00%
7	Không cấm cong	1	12.50%
	Tổng số	8	100%

1.2.2.2. Cắt dọc:

- Tổng chiều dài xây dựng L=1.398,22m
- Cao độ đường đỏ được thiết kế trên cơ sở:
 - + Các điểm khống chế: Điểm đầu, điểm cuối, điểm nút giao các nhánh.
 - + Các vị trí công trình thoát nước.
 - + Thủy văn tuyến đường.

Tuyến có nền hiện trạng rộng từ (4-:5)m, có mặt đường cũ bằng bê tông xi măng, đường đất, độ dốc dọc tự nhiên không lớn từ (0-:-7,26)% nên đơn vị tư vấn đã thiết kế đường đỏ trắc dọc bám sát đường hiện trạng và cao hơn đường hiện trạng khoảng 20-:-65cm. Một số đoạn tuyến có mặt đường BTXM cũ nhưng đã lún vỡ, hư hỏng toàn bộ, nhân dân trong xóm đã nhiều lần đổ bù đá dăm tạo phẳng để đi lại nên không tận dụng phần mặt đường cũ làm lớp móng đường mới, đường đỏ cao hơn đường hiện trạng trung bình 35cm để thiết kế khuôn đường mới. Tại khu vực đoạn tuyến là nền đất đường đỏ thiết kế theo quy định hiện hành, bám theo nền hiện trạng, hạn chế đào đắp.

- Độ dốc dọc lớn nhất: $I_{dmax} = 7,26\%$.
- Độ dốc dọc nhỏ nhất: $I_{dmin} = 0,00\%$.
- Bán kính đường cong đứng lồi lớn nhất: $R_{max} = 600m$.
- Bán kính đường cong đứng lồi nhỏ nhất: $R_{min} = 260m$.
- Bán kính đường cong đứng lõm lớn nhất: $R_{max} = 1000m$.
- Bán kính đường cong đứng lõm nhỏ nhất: $R_{min} = 400m$.

Bảng tổng hợp kết quả thiết kế trắc dọc tuyến T1:

STT	I (%)	Chiều dài (m)	Tỷ lệ (%)
1	$I = 0$	0	0.00%
2	$0.00 < I \leq 3.00$	573.23	62.38%
3	$3.00 < I \leq 6.00$	345.69	37.62%
4	$6.00 < I \leq 9.00$	0	0.00%
5	$9.00 < I \leq 12.00$	0	0.00%
6	$12.00 < I \leq 15.00$	0	0.00%
	Tổng số	918.93	100%

Bảng tổng hợp kết quả thiết kế trắc dọc tuyến T2:

STT	I (%)	Chiều dài (m)	Tỷ lệ (%)
1	$I = 0$	0.00	0.00%
2	$0.00 < I \leq 3.00$	336.70	71.41%
3	$3.00 < I \leq 6.00$	83.82	17.78%
4	$6.00 < I \leq 9.00$	50.97	10.81%
5	$9.00 < I \leq 12.00$	0	0.00%
6	$12.00 < I \leq 15.00$	0	0.00%
	Tổng số	471.49	100%

1.2.2.3. Nền đường:

- Tuyến T1 Bề rộng nền đường: $B_n = 5,0\text{m}$ (không kể rãnh dọc).
- Tuyến T2 Bề rộng nền đường: $B_n = 5,0\text{m}$ (không kể rãnh dọc).
- Nền đường đắp đất cấp 3 đầm chặt K95. Độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,5.
- Đào xử lý hữu cơ, đất không thích hợp, đắp hoàn trả đất cấp 3 đầm chặt K95.
- Nền đường đào: Độ dốc mái taluy 1/0,75 (nền đất), 1/0.5 (nền đá).

1.2.2.4. Mặt đường:

- Chiều rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$, mở rộng mặt đường trong đường cong theo quy định. Tại những vị trí gia cố rãnh, mặt đường mở rộng áp sát thành rãnh gia cố.

- Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = 2\%$.
- Độ dốc siêu cao mặt đường: $I_{\text{max}} = 5\%$.

- Mặt đường thiết kế với tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn (trục đơn) 8T, kết cấu như sau:

+ Mặt đường bằng BTXM mác 300, đá 2x4, dày 20cm; lớp giấy dầu ngăn cách; lớp móng bằng cấp phối đá dăm loại II, dày 15cm.

- Thiết kế khe co, khe dẫn: Khe co khoảng cách 4.5m/khe, khe dẫn khoảng cách 67.5m/khe.

- Thiết kế khe dọc đường toàn tuyến do BTXM mặt đường + lề gia cố = 5m.

- Tạo nhám mặt đường theo quy định.

1.2.2.5. Lề đường:

- Chiều rộng lề đường $B_{l\bar{e}} = 2 \times 0,75\text{m}$, Gia cố hết lề đường như kết cấu mặt đường.

+ Độ dốc ngang lề đường gia cố: $I_{l\bar{g}c} = 2\%$.

1.2.2.6. Rãnh dọc thoát nước:

Tuyến có nền hiện trạng khá rộng, có mặt đường cũ bằng bê tông xi măng và mặt đất rộng (4 - 5)m, độ dốc dọc tự nhiên không lớn nên đơn vị tư vấn đã thiết kế đường đổ trực tiếp bám sát đường hiện trạng và cao hơn đường hiện trạng khoảng 35cm tương đương dốc dọc từ (0 - 7,26)% (1 lớp BTXM mặt đường dày 20cm, 1 lớp móng CPĐD loại II dày 15cm). Bố trí rãnh dọc đào trần hình thang KT (0,3x0,4x1,0)m.

Tại những vị trí đông dân cư bên trái đoạn đầu tuyến T1, Thiết kế rãnh dọc bằng rãnh hộp BTCT, kích thước BxH= (0,4x0,5)m với tổng chiều dài L=303m, thiết kế thân rãnh bằng BTCT mác 250#; Tấm đan đáy rãnh bằng BTCT chịu lực mác 250# đúc sẵn- lắp ghép, đá 1x2.

Tại khu vực đường qua cánh đồng giữa tuyến T1 thiết kế rãnh BTCT tưới và tiêu thay mương đất, kích thước BxH= (1,0x1,2)m với tổng chiều dài L=197m, thiết kế thân rãnh bằng BTCT mác 250#;

1.2.2.7. Nút giao, đường giao dân sinh:

- Thiết kế nút giao cùng mức với các đường dân sinh hiện có, kết cấu phần vuốt nối nút giao như kết cấu mặt đường.

1.2.2.8. Công trình thoát nước trên tuyến: Gồm có 08 vị trí thiết kế mới:

Bảng thông kê các vị trí công thiết kế trên tuyến

STT	Tên cọc	Lý trình	Khẩu độ	Giải pháp, thiết kế
1	Cọc 10-T1	KM0+159.63	Lo75	TK mới trên tuyến T1
2	Cọc 13-T1	KM0+245.77	Lo75	TK mới trên tuyến T1
3	Cọc 16-T1	KM0+324.64	Lo300	Mới TC xong trên tuyến T1, giữ nguyên

4	Cọc 20-T1	KM0+422.66	Lo75	TK mới thay cống cũ D50 trên tuyến T1
5	Cọc 29-T1	KM0+575.77	D40	Bỏ
6	Cọc 30-T1	KM0+589.46	Lo75	TK mới thay cống cũ D40 tại cọc 29 tuyến T1
7	Cọc 38-T1	KM0+753.18	Lo75	TK mới trên tuyến T1 thay cống cũ D40
8	Cọc 40-T1	KM0+837.38	Lo100	Còn tốt, giữ nguyên trên tuyến T1
9	Cọc 6-T2	KM0+28.81	Lo75	TK mới trên tuyến T2 thay cống cũ D30
10	Cọc 11-T2	KM0+124.22	Lo100	TK mới trên tuyến T2 thay cống cũ Lo75
11	Cọc 20-T2	KM0+403.55	Lo100	TK mới trên tuyến T2 thay cống cũ D75

*** Hạng mục công trình thoát nước trên tuyến:**

Thiết kế xây dựng cống thoát nước ngang đường với tải trọng H13-X60 tương đương HL93 x 65%;

Kết cấu xây dựng cống bản như sau:

- + Móng cống, thân cống, xà mũ cống bằng BTXM mác 250.
- + Móng hố thu, tường hố thu, gia cố sân tràn thượng lưu, hạ lưu, tường cánh cống bằng BTXM mác 200.
- + Bản cống bằng BTCT mác 300, phủ bản cống bằng bê tông xi măng mác 300.
- + Đệm ống cống đá dăm đầm chặt.
- + Đắp đất móng, thân cống bằng đất cấp 3 đầm chặt $K \geq 0,95$.

1.2.2.9. Hệ thống báo hiệu đường bộ: Hệ thống báo hiệu đường bộ thiết kế tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

Trên tuyến thiết kế 1 Biển báo tên công trình hình chữ nhật.

Trên các đoạn tuyến thiết kế kè bố trí cọc tiêu trên đỉnh kè, khoảng cách cọc tiêu 5m/1 cọc

2. Thời hạn hoàn thành.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 460 ngày;

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 460 ngày;

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Toàn bộ các yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật phải được soạn thảo dựa trên cơ sở quy mô, tính chất của dự án, gói thầu và tuân thủ quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Các quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu Các tiêu chuẩn để đánh giá từng hạng mục công trình và công trình đạt các yêu cầu về chất lượng kỹ thuật trong quá trình thi công cần thiết tuân theo các điều kiện về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình, các quy trình thí nghiệm, các chỉ tiêu kỹ thuật, các quy định về thi công và nghiệm thu hiện hành, các tiêu chuẩn sử dụng tại biện pháp thi công phải là tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành, tuân thủ hồ sơ thiết kế được duyệt.

Ghi chú: "Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu nào trong HSMT này chỉ mang tính chất tham khảo" có nghĩa là các thương hiệu, mã hiệu cụ thể được nêu trong Hồ sơ mời thầu (HSMT) chỉ dùng để tham khảo, không bắt buộc phải sử dụng. Nhà thầu có thể đề xuất các sản phẩm tương đương hoặc có chất lượng tương đương, miễn là chúng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và thông số kỹ thuật được quy định trong HSMT.

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

a. Tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát nhằm đảm bảo chất lượng Xây lắp công trình gồm các hoạt động quản lý chất lượng của Nhà thầu; giám sát thi công, nghiệm thu của Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư; giám sát tác giả của Tư vấn thiết kế.

b. Nhà thầu phải lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tính chất, nội dung của gói thầu, trong đó quy định cụ thể trách nhiệm, công việc cụ thể của từng bộ phận, cá nhân phụ trách để thực hiện:

- Kiểm tra, thí nghiệm vật tư, vật liệu, cấu kiện, thiết bị trước khi sử dụng hoặc lắp đặt vào công trình theo yêu cầu của thiết kế, tiêu chuẩn quy phạm và kỹ thuật.

- Kiểm tra biện pháp thi công, lập và kiểm tra tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và ghi chép nhật ký thi công theo quy định. Báo cáo kết quả kiểm tra theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Lập bản vẽ hoàn công công việc xây dựng, bộ phận (giai đoạn) xây lắp hoàn thành, hoàn thành công trình. Tổ chức nghiệm thu nội bộ và chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu công việc xây dựng, giai đoạn xây lắp hoàn thành và hoàn thành công trình

c. Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát thực hiện giám sát, nghiệm thu theo các nội dung:

- Kiểm tra điều kiện khởi công, kiểm tra sự phù hợp về năng lực (nhân lực, thiết bị thi công, hệ thống quản lý chất lượng,...) của Nhà thầu đưa vào thi công so với HSDT và hợp đồng.

- Kiểm tra, giám sát vật tư, vật liệu, cấu kiện, thiết bị do Nhà thầu cung ứng để sử dụng, lắp đặt vào công trình như: giấy chứng nhận xuất xứ, kết quả thí nghiệm của phòng thí nghiệm hợp chuẩn, kết quả kiểm định chất lượng thiết bị do tổ chức có tư cách pháp nhân thực hiện,...). Trường hợp nghi ngờ thì trực tiếp lấy mẫu để kiểm tra

- Kiểm tra giám sát quá trình thi công của Nhà thầu, tổ chức nghiệm thu bao gồm:

+ Kiểm tra giám sát thường xuyên liên tục quá trình thi công của Nhà thầu trên công trường; lập biên bản kết quả kiểm tra hoặc ghi chép nhật ký thi công theo quy định; kiểm tra xác nhận bản vẽ hoàn công;

+ Tập hợp tài liệu, hướng dẫn, tổ chức nghiệm thu: Vật liệu, bán thành phẩm đầu vào; công việc xây dựng; giai đoạn xây lắp hoàn thành và nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng;

+ Phát hiện các sai sót của thiết kế, điều chỉnh bất hợp lý của thiết kế để Nhà thầu thực hiện nhằm đảm bảo mục tiêu khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đáp ứng một cách tốt nhất yêu cầu của người khai thác sử dụng;

+ Hướng dẫn thủ tục, lập hồ sơ, xác nhận khối lượng phát sinh, do thay đổi thiết kế và trình duyệt theo quy định;

+ Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan, các đơn vị cùng sử dụng mặt bằng công trường giải quyết các vấn đề phát sinh trong thời gian thi công;

d. Tư vấn thiết kế bố trí đủ cán bộ có đủ năng lực để thực hiện:

- Giám sát tác giả trong quá trình thi công theo quy định, nếu phát hiện Nhà thầu thi công sai phải yêu cầu thực hiện đúng thiết kế; ghi nhật ký và báo Chủ đầu tư để xử lý kịp thời.

- Phát hiện xử lý kịp thời các thiếu sót của thiết kế, giải quyết kịp thời các đề nghị thay đổi thiết kế hợp lý của Chủ đầu tư hay Nhà thầu. Ký xác nhận hồ thay đổi thiết kế đúng quy định hiện hành.

- Tham gia nghiệm thu các giai đoạn xây dựng theo yêu cầu của Chủ đầu tư và thực hiện đúng chức năng, quyền hạn của mình trong quá trình nghiệm thu theo quy định.

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư:

Nhà thầu cần sử dụng các loại vật tư, vật liệu theo đúng các yêu cầu của hồ sơ thiết kế được duyệt.

Tất cả các loại vật tư, vật liệu đưa vào thi công và lắp đặt cho công trình phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

Chú ý: Trong HSDT, Nhà thầu nên ghi rõ xuất xứ, thương hiệu vật tư, không ghi “Tương đương” vào bảng vật tư chính đưa vào công trình.

Yêu cầu máy móc thiết bị: Nhà thầu cần bố trí đủ số lượng, chủng loại máy móc thiết bị tối thiểu như yêu cầu nêu trong bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu (Chương III);

Các thiết bị phục vụ thi công phải là những thiết bị tốt, có công suất phù hợp và được kiểm nghiệm theo định kỳ. Chủng loại vật tư, vật liệu phải tuân thủ theo đúng hồ sơ thiết kế quy định và theo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, được nghiệm thu và thử nghiệm theo quy phạm quy định.

4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt

Nhà thầu phải tuân thủ đúng trình tự thi công, lắp đặt theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt từ khi nhận bàn giao mặt bằng đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa và đưa vào sử dụng.

5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn:

Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành vận hành thử nghiệm cụ thể một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Chủ đầu tư hoặc Nhà tư vấn về thời gian, địa điểm tiến hành chạy thử của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình khác.

Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư hoặc Nhà tư vấn không muộn hơn 03 ngày về ngày mà Nhà thầu đã sẵn sàng tiến hành các cuộc vận hành thử nghiệm khi hoàn thành.

Khi xem xét kết quả của các cuộc kiểm định khi hoàn thành, Chủ đầu tư hoặc Nhà tư vấn sẽ có xem xét đến hiệu quả của việc sử dụng công trình do Chủ đầu tư yêu cầu về hoạt động hoặc các đặc tính khác của công trình. Ngay sau khi các công trình hay hạng mục đã vượt qua các cuộc thử nghiệm khi hoàn thành, Nhà thầu sẽ trình bản báo cáo đã được chứng nhận về kết quả của các cuộc kiểm định này cho Chủ đầu tư hoặc Nhà tư vấn.

Nếu công trình hay hạng mục đã hoàn thành không vượt qua được các cuộc thử nghiệm khi đó Chủ đầu tư có quyền :

(a) Yêu cầu tiếp tục tiến hành vận hành thử nghiệm lại;

(b) Nếu như việc công trình hay hạng mục không vượt qua các cuộc thử nghiệm làm ảnh hưởng cơ bản đến lợi ích của Chủ đầu tư, chủ đầu tư sẽ loại bỏ công trình hoặc hạng mục (tuỳ theo từng trường hợp), trong trường hợp đó Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật.

6. Các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ:

Ngay sau khi nhận bàn giao mặt bằng nhà thầu phải:

- Có nội quy quy định về việc phòng cháy, chữa cháy đặt tại công trình.
- Bố trí đầy đủ các thiết bị phòng cháy, chữa cháy và phải thường xuyên kiểm tra, bổ sung kịp thời.
- Có bố trí Lực lượng phòng cháy chữa cháy đã qua tập huấn, đảm bảo luôn luôn có mặt kịp thời khi xảy ra sự cố.

7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

Nhà thầu phải thực hiện tất cả các biện pháp phòng ngừa hợp lý nhằm tránh những tác hại đến môi trường sống và môi trường làm việc, gồm:

7.1 Chuẩn bị các phương tiện vệ sinh công cộng nhằm ngăn ngừa sự ô nhiễm về sinh thái hoặc ô nhiễm về công nghiệp tại hiện trường.

7.2 Phế thải xây dựng phải được dọn và vận chuyển kịp thời trong thời gian ngắn nhất chống ách tắc cản trở giao thông và môi trường cảnh quan khu vực. Nhà thầu phải tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường, vận chuyển vật liệu và phế thải theo đúng quy định của Thành phố.

7.3 Có giải pháp để giảm tiếng ồn khi thi công, tuân thủ qui định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về mức ồn tối đa cho phép trong công trình xây dựng.

8. Yêu cầu về an toàn lao động:

Công trường xây dựng phải thực hiện những quy định về an toàn lao động.

Trong thời gian thi công nhà thầu phải cấm cờ đỏ ở những địa điểm rõ ràng để cảnh giới, ban đêm thắp treo đèn đỏ hoặc đèn báo hiệu, và những thiết bị an toàn chiếu sáng ở những nơi chuẩn bị làm việc vào ban đêm, và phải tính sẵn trước đề phòng cho sự an toàn của nhân viên gần công trường và tài sản của công cũng như của tư đều phải phòng bị trước.

Tất cả các máy móc, thiết bị trước khi đưa vào công trường phải có chứng nhận kiểm định an toàn và đảm bảo chất lượng của các cơ quan có tư cách pháp nhân cấp. Trong thời gian sử dụng nếu giấy phép hết hạn hoặc thiết bị có dấu hiệu mất an toàn đề nghị Nhà thầu mời giám định viên đến xem xét, kiểm tra và cho kết luận.

Đối với những thiết bị điện, cơ giới và những hệ thống an toàn công việc trên cao, nhà thầu phải thường xuyên cử nhân viên giám sát an toàn chuyên trách đủ tiêu chuẩn để kiểm tra và bảo dưỡng, tất cả những ghi chép phải được giữ lại để chuẩn bị cho việc Chủ đầu tư kiểm tra.

Tất cả nhân viên tham gia công trình, phải theo quy định đội mũ an toàn, đeo thẻ nhận dạng, nhân viên thi công trong hiện trường phải có đủ tư trang bảo hộ, khi tiến hành công việc trên cao phải đeo dây an toàn. Tất cả nhân viên thi công trong hiện trường không được hút thuốc lá trong giờ làm việc (Chỉ được hút trong giờ giải lao ở nơi quy định), không được uống bia, rượu, không được chơi cờ bạc dưới bất kỳ hình thức nào, không được chứa chấp các tệ nạn xã hội.

Chủ đầu tư có quyền kiểm tra định kỳ hoặc không định kỳ về an toàn thi công và vệ sinh của nhà thầu, nếu có vi phạm những quy định có liên quan, ngoài xử lý theo quy định và thông báo thời hạn cho nhà thầu sửa đổi, nếu nhà thầu vẫn chưa sửa hoặc chưa phù hợp với yêu cầu thì phải tiếp tục cho đến khi được cải thiện, nếu như tình tiết nghiêm trọng hơn Chủ đầu tư có quyền ra lệnh ngừng việc để cải thiện, tất cả hậu quả và trách nhiệm đó do nhà thầu đảm nhiệm.

Nhà thầu phải thu xếp địa điểm làm việc tại công trường; các trang thiết bị, dụng cụ làm việc và bảo hộ lao động theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho nhân viên của Chủ đầu tư và tư vấn giám sát của Chủ đầu tư làm việc thường xuyên tại hiện trường.

*** Trách nhiệm về an toàn lao động của Nhà thầu**

Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn lao động trong suốt quá trình thi công nhằm đảm bảo cho người, thiết bị, vật tư và các công trình lân cận.

Nhà thầu có trách nhiệm huấn luyện, trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện an toàn lao động cho người lao động, nhân viên của mình, thường xuyên chỉ

đạo và giám sát về an toàn lao động trong quá trình thi công, phải tuân theo đúng Quy chuẩn an toàn lao động trong xây dựng.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về an toàn của tất cả các hoạt động tại khu vực thi công trong suốt quá trình từ khi nhà thầu nhận mặt bằng thi công đến khi bàn giao công trình cho chủ đầu tư, bao gồm (nhưng không hạn chế chỉ gồm các nội dung này):

- An toàn đối với con người (công nhân, cán bộ thi công của nhà thầu; An toàn cho công trình;

- An toàn phòng chống cháy nổ trong khu vực thi công và các khu vực khác có liên quan.

- Bảo đảm trật tự, an ninh.

- * Xử lý tai nạn lao động

Trong thời gian thi công công trình nếu xảy ra tai nạn hoặc thương vong nhà thầu phải báo cáo ngay cho nhà chức trách địa phương, Chủ đầu tư, và lập bản báo cáo trong vòng 24 giờ sau khi xảy ra sự việc nộp cho Chủ đầu tư, tự lo giải quyết mọi hậu quả mà không được hưởng bất cứ chi phí nào thêm.

9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:

Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị của nhà thầu phải phù hợp với biện pháp tổ chức thi công, kỹ thuật thi công tiến độ thi công nêu tại HSDT của nhà thầu, phù hợp với tiến độ thi công chi tiết mà nhà thầu lập khi khởi công công trình được chủ đầu tư phê duyệt và phù hợp với tiến độ thi công được cập nhật từng giai đoạn trong suốt quá trình Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình.

Hàng tuần người điều hành công trường của Nhà thầu phải vạch kế hoạch thực hiện từng công việc, xác định khối lượng dự kiến thực hiện, số lượng máy móc thiết bị thi công, thí nghiệm, công nhân. Kế hoạch này phải giao cho Đội trưởng, Tổ trưởng, nhóm thi công và phải giao cho Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát. Cuối ngày người điều hành công trường phải ghi kết quả thực hiện công việc trong ngày vào nhật ký.

Khi kết thúc thi công một công việc, hạng mục Nhà thầu phải đưa đầy đủ các số liệu và kết quả thực hiện vào sổ nhật ký để theo dõi.

Nhà thầu cần cung cấp danh sách cán bộ, công nhân để Chủ đầu tư xét duyệt, đăng ký tất cả thiết bị máy móc và phương tiện thi công với Chủ đầu tư mới được đi vào công trường thi công.

Lán trại, kho xưởng, đường công vụ, vị trí cửa ra vào công trường phải thông qua Chủ đầu tư trước khi thực hiện thông qua bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công.

***) Thiết bị phục vụ thi công:**

Đối với các máy móc chủ yếu do Nhà thầu đề xuất phù hợp với biện pháp thi công công trình nhà thầu phải có các tài liệu chứng minh thiết bị phù hợp với biện pháp thi công và khả năng cung cấp. Nhà thầu phải có biện pháp huy động thiết bị thi công đáp ứng được yêu cầu của gói thầu. Các máy móc phải được kiểm định theo quy định của Nhà nước.

***) Huy động nhân lực và các yêu cầu về hệ thống tổ chức nhân sự.**

Nhà thầu nêu bộ máy quản lý tại trụ sở và tại hiện trường (có sơ đồ và thuyết minh cụ thể).

Có thuyết minh đầy đủ nhiệm vụ của chỉ huy trưởng công trường và các bộ phận chức năng. Nêu rõ mối quan hệ của công ty đối với công trường.

Có đầy đủ các bộ phận: quản lý tiến độ, thí nghiệm, kỹ thuật, hành chính kế toán, an toàn, an ninh, môi trường, phòng chống cháy nổ và các tổ đội thi công.

Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định của tất cả các hoạt động ở công trường trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.

Nhà thầu tổ chức và nêu rõ nhiệm vụ cụ thể của các tổ đội thi công.

10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể các hạng mục

Thiết kế tổ chức thi công và biện pháp thi công chi tiết các hạng mục công trình do nhà thầu thực hiện phải được Chủ đầu tư chấp thuận (Đối với những hạng mục-phần việc có liên quan đến quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan thiết kế phải được cả cơ quan thiết kế thông qua).

Nhà thầu phải giao cho Chủ đầu tư hai bộ để lưu và để theo dõi kiểm tra. Nhà thầu phải triển khai thi công đúng theo thiết kế tổ chức thi công, biện pháp thi công đã được chấp thuận.

Việc thiết kế, xây dựng lắp đặt các công trình tạm để phục vụ thi công thuộc trách nhiệm của Nhà thầu nhưng cũng phải được Chủ đầu tư chấp thuận.

Tuy các phần trên phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư nhưng không làm thay đổi trách nhiệm của Nhà thầu là hoàn toàn chịu trách nhiệm về tổ chức thi công, biện pháp thi công công trình tại hiện trường.

10.1. Nội dung bản vẽ thiết kế tổ chức tổng mặt bằng công trường

* Thiết kế tổng mặt bằng tổ chức thi công phải có thuyết minh các nội dung:

- Bố trí mặt bằng bố trí công trình tạm;
- Bố trí vị trí kho, bãi tập kết vật tư, vật liệu; phế thải;
- Bố trí thiết bị thi công;
- Bố trí cấp điện-chiếu sáng; cấp, thoát nước phục vụ thi công.

10.2. Tổ chức bộ máy quản lý, chỉ huy công trường

a. Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy tổng thể của Công ty: trong đó thể hiện mối liên hệ giữa Công ty - Ban chỉ huy công trường, Công ty với Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn, kèm theo thuyết minh sơ đồ trong đó rõ: Mối quan hệ giữa Công ty và công trường, Công ty với Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn; Quyền hạn; Trách nhiệm của Công ty, ban chỉ huy công trường; Tên các cán bộ phụ trách trực tiếp các hoạt động của công trường của công ty.

b. Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy chỉ huy công trường: trong đó thể hiện mối liên hệ giữa chỉ huy trưởng công trường, bộ phận phụ trách kỹ thuật với các đội thi công. Kèm theo thuyết minh nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm của các vị trí chủ chốt như: Chỉ huy trưởng công trường; Phụ trách kỹ thuật; Tổ trưởng thi công; ...

10.3. Thuyết minh về các giải pháp thi công chính

Nhà thầu phải nêu đầy đủ các nội dung sau:

- Công tác chuẩn bị mặt bằng xây dựng.

a. Công tác thi công hạng mục phá dỡ:

b. Công tác thi công hạng mục cải tạo

11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của Nhà thầu

Được thực hiện theo Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Cụ thể trách nhiệm của Nhà thầu trong việc quản lý chất lượng công trình như sau:

- Chỉ được phép thi công những phần việc được ký kết tại Hợp đồng.
- Việc thi công phải theo đúng thiết kế đã được duyệt, áp dụng đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng đã được quy định và chịu sự giám sát, kiểm tra thường xuyên về chất lượng công trình của Bên mời thầu, cơ quan thiết kế, cơ

quan giám sát và cơ quan giám định Nhà nước theo phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Chịu mọi trách nhiệm trước Bên mời thầu và trước pháp luật về chất lượng Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình kể cả những phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện theo quyết định của hợp đồng giao nhận thầu xây dựng.

- Vật tư, vật liệu sử dụng vào công trình phải có chứng nhận về chất lượng gửi cho Bên mời thầu để kiểm soát trước khi sử dụng.

- Tổ chức hệ thống đảm bảo chất lượng công trình để quản lý chất lượng sản phẩm xây dựng trong quá trình thi công.

12. Yêu cầu khác căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu.

- Yêu cầu các Nhà thầu phải tuân thủ đúng quy trình, quy phạm cho công tác thi công.

- Tất cả các vật tư phải có chứng chỉ của Nhà sản xuất và Nhà thầu. Kinh phí chứng nhận chứng chỉ thuộc kinh phí Nhà thầu.

- Thi công từng phần có nghiệm thu kỹ thuật, chất lượng theo đúng quy trình thi công và nghiệm thu hiện hành. Nhà thầu phải bố trí cán bộ giám sát chính trên công trường phụ trách công tác nghiệm thu nội bộ các hạng mục công trình và thực hiện công tác nghiệm thu theo đúng các qui định hiện hành.

IV. Các bản vẽ

Có Hồ sơ thiết kế đính kèm.